

Dạy học sáng tạo và ứng dụng vào kĩ năng nói tiếng Anh

Trần Thị Thanh Tú

Trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa - Vũng Tàu
689 Cách Mạng Tháng Tám, Long Toàn,
thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu,
Việt Nam
Email: tranthanhtusp@gmail.com

TÓM TẮT: Sáng tạo không phải là cái gì đó tự đến, tự có sẵn trong mỗi con người. Sự sáng tạo cần được nuôi dưỡng và phát triển trong một quá trình lâu dài. Bài viết giới thiệu và phân tích khái niệm dạy học sáng tạo, đặc trưng của nó và sự ứng dụng của dạy học sáng tạo vào kĩ năng nói tiếng Anh. Bài viết cũng nêu ra một số khó khăn mà giáo viên và học sinh có thể gặp phải trong quá trình dạy học sáng tạo. Tuy nhiên, bằng sự nỗ lực và tâm huyết của giáo viên cùng với một số thay đổi tích cực trong nền giáo dục nước nhà, dạy học sáng tạo nên là một phần không thể thiếu trong quá trình dạy học của giáo viên và học sinh.

TỪ KHÓA: Sáng tạo; dạy học sáng tạo; kĩ năng nói tiếng Anh.

→ Nhận bài 29/3/2020 → Nhận bài đã chỉnh sửa 16/4/2020 → Duyệt đăng 05/5/2020.

1. Đặt vấn đề

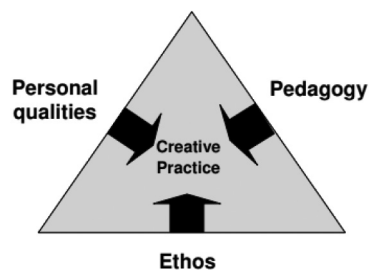
Sáng tạo không phải là cái gì đó tự đến, tự có sẵn trong mỗi con người. Để có được sự sáng tạo thì cần phải có sự nuôi dưỡng và phát triển trong một quá trình lâu dài. Dawson, Tan và McWilliam (2011) và Gibson (2010) đã khẳng định việc nuôi dưỡng sự sáng tạo cho người học từ những cấp học ban đầu cho đến giáo dục (GD) bậc cao đẳng, đại học (ĐH) được ưu tiên bởi các nhà hoạch định chính sách vì tầm quan trọng của nó đối với nguồn nhân lực tương lai. Theo Nghị quyết số 29 - NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về Đổi mới căn bản, toàn diện GD và đào tạo, mục tiêu cụ thể của GD ĐH trong giai đoạn hiện nay là: “Đổi mới với GD ĐH, tập trung đào tạo nhân lực trình độ cao, bồi dưỡng nhân tài, phát triển phẩm chất và năng lực tự học, tự làm giàu tri thức, sáng tạo.” Như vậy, cũng giống như các nước trong khu vực và trên thế giới, sự sáng tạo nhận được sự coi trọng khá lớn trong môi trường GD Việt Nam nói chung và dạy học ngôn ngữ nói riêng. Điều này chứng tỏ tầm quan trọng của sáng tạo đối với sự phát triển của người học và theo đó sự sáng tạo nên được nuôi dưỡng trong mỗi người học trong những năm tháng đến trường.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái niệm dạy học sáng tạo

Cremin, Barnes và Scoffham (2009) đã đề cập đến những bình diện của dạy học sáng tạo, đó là phẩm chất cá nhân, kĩ năng sư phạm và không khí lớp học. Cụ thể là (xem Hình 1):

Về phẩm chất cá nhân, các tác giả đã đúc kết lại các phẩm chất cần thiết của một người giáo viên (GV) sáng tạo từ nhiều nguồn hay nghiên cứu khác nhau. Nhưng nhìn chung, đó là một hay nhiều các phẩm chất như sự can đảm để theo đuổi một quan điểm, sự tò mò, độc lập trong phán đoán và suy nghĩ, có trực giác, có cảm xúc, chấp nhận rủi ro, muốn bận bịu với các nhiệm vụ, có tư



Hình 1: Những bình diện của dạy học sáng tạo

duy phê phán, cởi mở với các quan điểm và không quá truyền thống.

Theo Grainger, Barnes và Scoffham (2004), Cremin, Barnes và Scoffham (2009), nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng, nhiệt tình và cam kết là những phẩm chất cần thiết ở một GV sáng tạo. Ngoài ra, GV sáng tạo là người có kiến thức tốt về môn học mà mình phụ trách, có khả năng truyền cảm hứng để người học có thể học tích cực, đặt câu hỏi, liên tưởng và có đủ tự tin để tự cho mình là một người sáng tạo. Các tác giả nhận xét rằng: Trong khi chúng ta có thể thấy nguồn năng lượng tràn đầy ở nhiều GV sáng tạo, một số người khác vẫn tỏ ra điềm tĩnh và im lặng hơn trong việc dạy học của mình. Bởi sự đa dạng tính cách trong người GV sáng tạo, mỗi GV vẫn thấy mình (dù ít hay nhiều) trong hình ảnh người GV sáng tạo. Vậy thì tại sao chúng ta lại không trở thành một người như vậy?

Về kĩ năng sư phạm, theo Shayer and Adey (2002), QCA viết tắt của Qualifications and Curriculum Authority của Vương Quốc Anh (2005), Cremin, Barnes và Scoffham (2009), GV sáng tạo thường có khả năng giúp người học xác định đúng mục đích học tập, kích thích suy nghĩ của người học thông qua việc thiết lập các tình huống có vấn đề, đặt các câu hỏi mở giúp người học tiến xa hơn năng lực hiện tại theo đánh giá của người GV, kích thích sự liên tưởng ở người học và nâng cao kiến thức cũng như

sự hiểu biết của người học.

Về không khí lớp học, Grainger, Barnes and Scoffham (2004), Grainger (2006) đã có nhận xét là lớp học là môi trường mà ở đó người học cảm thấy an toàn, an tâm, được trân trọng và tin tưởng cũng như được khuyến khích đặt và trả lời câu hỏi, “mạo hiểm” trong học tập, chấp nhận thách thức, chủ động phát hiện và tìm ra vấn đề.

2.2. Phân biệt dạy học một cách sáng tạo và dạy học cho sự sáng tạo

Báo cáo NACCCE (1999), trong Chan (2007) đã phân biệt giữa dạy học một cách sáng tạo (teaching creatively) và dạy học cho sự sáng tạo (teaching for creativity) trong đặc tính của nó với dạy học sáng tạo. Dạy học một cách sáng tạo là sử dụng các phương pháp tưởng tượng để làm cho việc học thú vị hơn và hiệu quả hơn. Dạy học cho sự sáng tạo được định nghĩa là các hình thức giảng dạy nhằm phát triển tư duy sáng tạo hoặc hành vi sáng tạo của người học.

Jeffrey & Craft (2004) cũng đã có sự phân biệt giữa dạy học một cách sáng tạo và dạy học vì sự sáng tạo. Theo hai tác giả, dạy học một cách sáng tạo có thể được xem là dạy nhằm mục đích làm cho việc học của SV thú vị hơn và hiệu quả hơn thông qua việc sử dụng các phương pháp tưởng tượng. Như vậy, mối quan tâm chính của dạy học một cách sáng tạo là dạy học hiệu quả. Ngược lại, dạy học cho sự sáng tạo (teaching for creativity) có thể được coi là hình thức giảng dạy nhằm phát triển tư duy hoặc hành vi sáng tạo của chính người học (Jeffrey & Craft, 2004). Vì vậy, mục tiêu chính của việc dạy học cho sự sáng tạo là trao quyền cho người học. Theo Chan (2007), giảng dạy vì sự sáng tạo thường dẫn đến việc dạy học sáng tạo, vì sự sáng tạo của người học có khả năng được phát triển nhiều hơn trong trường hợp khả năng sáng tạo của GV đang được phát huy. Vì vậy, mặc dù dạy học một cách sáng tạo và dạy học cho sự sáng tạo là khác biệt về mặt khái niệm, chúng có sự liên quan mật thiết với nhau và có thể tăng cường và thúc đẩy lẫn nhau. Theo Jeffrey and Craft (2004), trong khi dạy học một cách sáng tạo được xem là “Lấy GV làm trung tâm” thì dạy học vì sự sáng tạo lại “Lấy người học làm trung tâm”.

Trong khuôn khổ bài viết này, tác giả không có ý định phân biệt hai khái niệm này. Dạy học sáng tạo, theo quan điểm của tác giả, sẽ là sự kết hợp của cả hai khái niệm trong mối quan hệ bổ sung lẫn nhau và tác động qua lại lẫn nhau, đặc biệt khi mà việc dạy học, với sự thay đổi tích cực và bức phá từ phía GV trong suy nghĩ và hành động - vì HS, vì việc phát huy năng lực sáng tạo của người học và từ đó đem lại hiệu quả cho cả hoạt động dạy của thầy và hoạt động học của trò.

2.3. Những đặc trưng của dạy học sáng tạo

Chan (2007) đã kể đến những hoạt động sáng tạo như

giải quyết vấn đề một cách sáng tạo, liên tưởng sáng tạo, tưởng tượng sáng tạo và các hình thức khác nhau của suy nghĩ khác biệt. Ngoài ra, theo QCA, được trích dẫn trong Grainger, Barnes, và Scoffman (2004), những hoạt động sáng tạo tiêu biểu đó là: đặt câu hỏi và thử thách, liên tưởng và xem xét các mối quan hệ, tưởng tượng những gì có thể, phát triển ý tưởng, có nhiều lựa chọn mở, trình bày ý tưởng theo nhiều cách khác nhau, đánh giá tính hiệu quả của ý tưởng và hành động.

Tuy nhiên, như chúng ta đã biết, bối cảnh dạy và học là đặc thù và không bối cảnh dạy học nào là hoàn toàn giống nhau. Nhưng theo Cremin, Barnes và Scoffham (2009), chung quy lại có một số nhân tố tiêu biểu kích thích sự sáng tạo của người học và đồng thời cũng là những yếu tố mà nhiều GV sáng tạo có, đó là: sự tò mò, sự liên tưởng, sự độc đáo, sự độc lập.

Jeffrey (2006) xác định một số đặc trưng của dạy và học sáng tạo đó là đổi mới, sở hữu, kiểm soát và phù hợp. Trong đó, *đổi mới* là tạo ra một cái gì đó mới, đó có thể là rèn luyện được một kỹ năng mới, hiểu hơn vấn đề nào đó, nhìn nhận vấn đề ở một góc nhìn mới. *Sở hữu kiến thức* là việc người học học vì bản thân chứ không phải vì GV, vì giám khảo hay vì kiến thức của xã hội. Việc học sáng tạo là quá trình nội tại, có sự chuyển hóa trong cá nhân người học. *Kiểm soát* là việc người học học vì động lực cá nhân và không bị chi phối bởi yếu tố bên ngoài. *Phù hợp* có nghĩa là việc học có ý nghĩa và phù hợp với nhu cầu cũng như sở thích của người học và của nhóm người học. Trên cơ sở của các yếu tố vừa nêu, ở nghĩa hẹp hay rộng, GV tùy vào hoàn cảnh giảng dạy của mình có thể linh hoạt để đem lại sự sáng tạo để kích thích việc học sáng tạo của HS để có đem lại sự thay đổi, và theo Jeffrey (2006) là thay đổi HS, thay đổi GV và thay đổi tình huống giảng dạy.

2.4. Vận dụng dạy học sáng tạo vào kĩ năng nói tiếng Anh

Bên dưới sẽ là cách mà tác giả vận dụng nguyên lý của dạy học sáng tạo vào giờ học Nói (Nói 3) ở Trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa - Vũng Tàu. Giáo trình của học phần Nói 3 này là cuốn Communication Strategies 3 của tác giả David Paul (2002). Chủ đề tác giả chọn để trình bày là Dating (Hẹn hò). Chúng tôi tổ chức lớp học thành mô hình của một buổi thảo luận hay Talk show trong đó chính các em SV có thể thể hiện quan điểm bản thân, bàn luận và tranh luận với nhau về chủ đề Hẹn hò. Để tổ chức buổi thảo luận này, khi đặt câu hỏi chúng tôi lưu tâm đến các vấn đề sau:

Những câu hỏi này SV có trả lời được không? SV có cảm thấy thích và quan tâm đến các vấn đề này không? SV có ngại ngùng với câu trả lời của mình không? Hình ảnh, trang trí, font nền sử dụng hay ngôn ngữ có khuyến khích SV trả lời không? Câu hỏi đã ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu nhưng với văn phong tự nhiên của tiếng Anh không?

Câu hỏi có phân phối đều cho cả lớp không? Câu hỏi có mang tính ghi nhớ không? Câu hỏi có là tình huống có vấn đề không? Và cuối cùng, một câu hỏi chúng tôi đặc biệt quan tâm trong phần lớn các bài giảng của mình là HS có phát huy được tính sáng tạo của mình không? Trên cơ sở các tiêu chí trên, chúng tôi, đã đến với sự chọn lựa các câu hỏi của buổi Talkshow hoặc thảo luận như sau:

1/ Should we go Dutch when dating? (*Chúng ta có nên “tiền ai nấy trả” khi hẹn hò không?*)

2/ What do you think about dating with younger boys/ older girls? (*Nữ: Bạn nghĩ như thế nào về việc hẹn hò với người nhỏ tuổi hơn/Nam: Bạn nghĩ như thế nào về việc hẹn hò với người lớn tuổi hơn?*)

3/ What are the most romantic dating sites to you? (*Bạn nghĩ đâu là những địa điểm hẹn hò lãng mạn nhất?*)

4/ What do you think about love at first sight? (*Bạn nghĩ gì về tình yêu sét đánh?*)

5/ Have you ever had/Do you know any interesting dating experiences? (*Bạn đã bao giờ có trải nghiệm hẹn hò thú vị chưa và bạn có thể chia sẻ về nó không? Hay là bạn có biết trải nghiệm hẹn hò nào thú vị không?*)

6/ What do you think about dating with a friend's exboyfriend/ exgirlfriend? (*Bạn nghĩ như thế nào về việc hẹn hò với bạn trai cũ/ bạn gái cũ của bạn mình?*)

7/ Can you name three things that we shouldn't do when dating? (*Bạn có thể nêu ba điều không nên làm khi hẹn hò không?*)

8/ How important is parental agreement to you in your dating (your dating with someone)?

What would you do if your parents disagree with your dating (your dating with someone)?

(Sự đồng ý của ba mẹ với việc hẹn hò của bạn (việc hẹn hò với người nào đó) có quan trọng với bạn không?/ Bạn sẽ làm gì nếu ba mẹ không đồng ý với việc hẹn hò của bạn/ việc bạn hẹn hò với người nào đó?)

Không chỉ dừng lại ở việc nghĩ và lựa chọn câu hỏi, việc chọn lựa hình nền, gam màu và trang trí các câu

hỏi theo quan điểm theo tôi cũng rất quan trọng đối với việc kích thích sự sáng tạo của các em (xem Hình 2). Đó chính là lí do những slide trong powerpoint được trang trí như bên dưới và giờ học diễn ra trên nền nhạc với âm lượng nhỏ của các bài hát về tình yêu không lời nhẹ nhàng, lãng mạn. Đó là những yếu tố xúc tác cho những suy nghĩ sáng tạo của SV theo chủ đề và tạo môi trường để SV cảm thấy tự nhiên và dễ chịu để trình bày những suy nghĩ của mình về chủ đề.

Như vậy, bằng sự sáng tạo của mình và lấy người học làm trung tâm, chúng tôi đã dần dần chuyển quả bóng sáng tạo cho SV của mình. Bằng sự sáng tạo và trải nghiệm của riêng mình, SV đã có một buổi trò chuyện, trao đổi và tranh luận sôi nổi cũng như có những giải pháp của riêng mình về những mặt khác nhau của chủ đề hẹn hò, từ việc có nên “tiền ai nấy trả” khi hẹn hò, hẹn hò với người lớn tuổi hơn/nhỏ tuổi hơn, nơi hẹn hò lãng mạn nhất, tình yêu sét đánh, hẹn hò với bạn trai (gái) cũ của bạn mình, những điều không nên làm khi hẹn hò và hành động/ phản ứng của bạn khi ba mẹ không đồng ý việc hẹn hò của bạn. Như vậy, qua những hoạt động tương tự như vậy, SV có thể theo đuổi một quan điểm và biết cách để bảo vệ quan điểm của mình, SV cũng trở nên độc lập hơn trong phán đoán và suy nghĩ, có trực giác, có cảm xúc, cởi mở với các quan điểm, các ý kiến mới và có thái độ tích cực hơn đối với sự khác biệt trong quan điểm.

Sau đó, chúng tôi cho SV tiếp tục với sự sáng tạo của mình để có thể làm lời thoại bằng tiếng Anh và đóng vai cho một cảnh trong phim Hậu duệ Mặt Trời, một bộ phim Hàn Quốc lãng mạn sản xuất năm 2016 với hi vọng SV sẽ cảm thấy thích thú và cố thể hiện năng lực tiếng Anh và sự sáng tạo trong ngôn ngữ cũng như việc tưởng tượng ra lời thoại tiếng Anh cho hai nhân vật chính trong cảnh phim (xem Hình 3).

Để thực hiện điều đó, chúng tôi đã cho các em SV làm việc theo cặp và sau đó gọi các em lên phía trước



Hình 2: Những cách trang trí để kích thích sáng tạo



Hình 3: Sáng tạo ngôn ngữ theo lời thoại phim

vừa đóng vai nhân vật vừa thể hiện lời thoại bằng tiếng Anh. Như vậy, các em đã không những phát triển được kỹ năng tiếng Anh của mình mà còn có thể thỏa mãn sáng tạo lời thoại mà mình muốn và sáng tạo đôi chút một vài phân cảnh dù diễn xuất có thể sẽ khó mà có thể xuất sắc như hai diễn viên kì cựu trong phim. Thông qua những cách làm như vậy, GV có thể giúp các em bước ra khỏi “vùng an toàn” và có những thử thách mới cho bản thân và có thể xem, nhận xét cũng như học hỏi từ những sáng tạo của các bạn trong lớp. Các em đã có giờ học thật vui và hào hứng. Với phân cảnh phim này, chúng tôi cho SV xem bản không có lời. Trên nền nhạc du dương lãng mạn của bộ phim, hai nhân vật chính đã có sự giao tiếp bằng lời và bằng ngôn ngữ cơ thể. Bên dưới là lời thoại phim bằng tiếng Anh, tiếng Việt và lời thoại do SV sáng tạo ra.

Đoạn phim - bản Tiếng Anh:

(The female lead smiling in shyness) (Holding the bottle of wine)

Female lead: You must want this badly. ...Here.

Male lead: I can find a way to drink.

(Silence)..... (Kissing)

(The bottle being given to the male lead who is finding a place to put the bottle of wine down)

(Hearing the sound emitting from the bottle touching the surface, the couple being “unable” to keep kissing.)

(The female lead saying in shyness)

Female lead: Good night. This (the bottle of wine) is mine.

(running away while it's raining outside, which could be seen from the window)

Đoạn phim - bản Tiếng Việt:

(Nữ chính cười trong thẹn thùng) (Cầm chai rượu trên tay)

Nữ chính: Trông có vẻ như anh rất muốn uống đó. Đây anh.

Nam chính: Cũng không phải là không có cách.

(Im lặng)..... (Hôn nhau)

(Nữ chính đưa chai rượu cho nam chính và nam chính tìm vị trí đặt chai rượu xuống)

(Nghe âm thanh phát ra từ việc chai rượu chạm vào bề mặt, cặp đôi ngừng hôn nhau.)

(Nữ chính nói trong thẹn thùng)

Nữ chính: Chúc anh ngủ ngon. Cái này (chai rượu) là của tôi.

(chạy đi nhanh trong thẹn thùng, ngoài trời đang mưa)

Tuy nhiên, phân cảnh này, dưới sự diễn xuất của SV, thì các nhân vật nam và nữ chính đã có vẻ nói nhiều hơn thể. Một ví dụ của đoạn tương tác SV đã thực hiện là:

Đoạn phim - phiên bản của SV

(The female lead smiling in shyness) (Pretending to hold the bottle of wine)

Female lead: It seems that you wanna drink some wine. Right? Here you are.

Male lead: Yes. I’ve just come up with a way.

(Silence)..... (Pretending to kiss each other)

I love you. I wanna spend the rest of my life with you. I can’t live without you.

(The bottle being given to the male lead who is finding a place to put the bottle of wine down)

(Hearing the sound emitting from the bottle touching the surface, the couple being “unable” to keep kissing.)

(The female lead, in shyness, saying)

Female lead: Good night. The mine is mine. Byebye.

(running away)

Không chỉ dừng lại ở đó, GV cũng có thể cho SV làm việc theo nhóm sau giờ học để lên kịch bản và tạo ra một đoạn phim ngắn về chủ đề mình đã học để các em có điều kiện cho sự sáng tạo của mình được bay bổng cùng với việc cải thiện các kỹ năng ngôn ngữ của mình nói chung và kỹ năng nói nói riêng. Tuy nhiên, tùy thuộc vào lứa tuổi và sự phát triển của người học mà GV có thể lựa chọn chủ đề và nội dung phù hợp với các em. Trong quá trình dạy học sáng tạo, GV có thể sẽ có phần thưởng cho sự sáng tạo của các em.

2.5. Một số khó khăn trong quá trình dạy học sáng tạo

Một người GV giỏi thường dạy sáng tạo và là chất xúc tác cho sự sáng tạo. Ngược lại, sẽ có những GV thường vô tình nhốt mình vào những cái lồng và tệ hơn nữa là không ý thức được liệu cái lồng đó được xây dựng bởi chính mình hay bởi người khác, theo Ambrose (2005), trong Chan (2007). Và rồi, họ cảm thấy khó mà thoát ra khỏi những chiếc lồng đó vì họ không nhìn thấy thành lồng. Một khó khăn khác mà GV gặp phải là chương trình đào tạo GV thường quá tập trung vào kiến thức chuyên ngành và phương pháp giảng dạy để truyền tải kiến thức và kỹ năng cho người học. Điều này có thể là một trở ngại đối với GV sau khi ra trường, khi mà kỹ năng dạy học sáng tạo vẫn chưa được rèn giũa nên có sự dè dặt khi sử dụng trong quá trình dạy học của mình. Ngoài ra, nếu GV phải tuân theo một chương trình cố định, một bộ sách giáo khoa cố định và bắt buộc, có rất nhiều kiến

thức cần truyền tải và chiếm rất nhiều thời gian thì đây cũng sẽ là một thách thức khác trong việc dạy học sáng tạo vì GV có thể lo sợ rằng việc dạy học sáng tạo của mình sẽ làm ảnh hưởng đến việc thực hiện và đảm bảo đúng tiến độ chương trình giảng dạy và không đáp ứng được nhu cầu của HS.

Hình thức thi hiện nay cũng là một vấn đề lớn đối với việc dạy học sáng tạo. Khi nào mà hình thức thi tiếng Anh vẫn còn diễn ra hoàn toàn hay phần lớn bằng hình thức trắc nghiệm thì lúc đó GV khó để cảm thấy có nhu cầu làm cho dạy học sáng tạo trở thành một phần không thể thiếu trong việc dạy học của mình.

3. Kết luận

Dạy học sáng tạo, với những đặc tính ưu việt của mình, nên là một phần không thể thiếu trong quá trình dạy học của GV và HS. Trong quá trình dạy học sáng tạo, dù cả người dạy và người học đều có thể có một số khó khăn của riêng mình nhưng bằng nỗ lực và niềm tin vào sự thành công, dạy học sáng tạo nên là một phần trong quá trình dạy và học. Hi vọng, với những thay đổi tích cực trong nền GD nước nhà, GV nói chung và GV tiếng Anh nói riêng sẽ có điều kiện và cơ hội thực hiện được việc giảng dạy sáng tạo của mình và HS sẽ có cơ hội để thỏa sức sáng tạo trong suy nghĩ và hành động của mình.

Tài liệu tham khảo

- [1] Dawson, S., Tan, J. P.L. & McWilliam, E, (2011), *Measuring creative potential: Using social network analysis to monitor a learners' creative capacity*, Australasian Journal of Educational Technology, 27(6), p.924-942.
- [2] Gibson, R., (2010), *Points of departure: The 'art' of creative teaching: Implications for higher education*, Teaching in Higher Education, 15(5), 607- 613.
- [3] Cremin, Teresa - Barnes, Jonathan and Scoffham, Stephen, (2009), *Creative Teaching for Tomorrow: Fostering a Creative State of Mind Deal*, Kent, UK: Future Creative.
- [4] Grainger, T., Barnes, J., and Scoffham, S, (2004), *A Creative Cocktail: Creative Teaching in Initial Teacher Education*, in Journal of Education and Teaching, 30(3), 243-253
- [5] Shayer, M. and Adey, P., (2002), *Learning Intelligence: Cognitive acceleration across the Curriculum from 5-15*, Buckingham: Open University Press.
- [6] Grainger, T, (2006), *Creativity, uncertainty and discomfort: teachers as Writers*, in The Cambridge Journal of Education, 36(3), p.415-433.
- [7] Chan, D.W., (2007), *Creative teaching in Hong Kong Schools: Constraints and Challenges*, Educational Research Journal, 22(1), p.1-12.
- [8] Bob Jeffrey & Anna Craft, (2004), *Teaching creatively and teaching for creativity: distinctions and relationships*, Educational Studies, 30(1), p.77-87.
- [9] Jeffrey, Bob, (2006), *Creative teaching and learning: towards a common discourse and practice*, Cambridge Journal of Education, 36(3), pp. 399-414.
- [10] Craft, A., Hall, E. & Costello, R, (2014), *Passion: Engine of Creative Teaching in an English University?*, Thinking skills and Creativity, 13.
- [11] David, P, (2010), *Communication strategies* (2nd ed), Heinle ELT.
- [12] QCA, (2005), *Creativity: Find it, Promote it*, London: QCA.

CREATIVE TEACHING AND ITS APPLICATION IN AN ENGLISH SPEAKING CLASS

Tran Thi Thanh Tu

Ba Ria - Vung Tau College of Education
689 Cach Mang Thang Tam, Long Toan district,
Ba Ria city, Ba Ria - Vung Tau province, Vietnam
Email tranthanhtusp@gmail.com

ABSTRACT: *Creativity is not an innate quality in each single person. Creativity; otherwise, needs to be nurtured and fostered over a long period of time. It is the aim of this article to introduce and analyze the concept of creative teaching, its characteristics and the application of creative teaching into an English speaking class. The paper also highlights some of the difficulties that teachers and students may encounter during the process of creative teaching and learning. However, given the efforts and dedication of teachers and some positive changes in the national education, creative teaching should be an integral part in the teaching and learning process of both teachers and students.*

KEYWORDS: Creative; creative teaching; English speaking skills.